

Số: *168* /KH-UBND

Hà Giang, ngày *23* tháng *7* năm 2020

## KẾ HOẠCH

### **Rà soát, điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tiến hành rà soát, đánh giá các tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh nhằm xác định loại đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (gọi tắt là Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13). Trên cơ sở đó xem xét giữ nguyên hoặc điều chỉnh loại đơn vị hành chính cấp xã đã được phân loại hiện nay, làm cơ sở thực hiện công tác tổ chức bộ máy, biên chế và xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2. Yêu cầu**

- Việc rà soát, thống kê, đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính phải thực hiện đảm bảo theo các tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

- Các số liệu làm cơ sở đánh giá phải được thống kê chính xác, khách quan, trung thực. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm về số liệu tổng hợp, đánh giá, báo cáo thuộc lĩnh vực ngành, cấp mình theo dõi, quản lý.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Rà soát, thống kê thực trạng các đơn vị hành chính cấp xã**

- Quy mô dân số;
- Diện tích tự nhiên;
- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội;
- Các yếu tố đặc thù.

### **2. Tiêu chuẩn phân loại và cách tính điểm phân loại**

#### **a) Cách tính điểm phân loại:**

Căn cứ số liệu thống kê thực trạng đối với từng tiêu chuẩn, tiến hành tính điểm đối với mỗi đơn vị hành chính làm cơ sở cho việc phân loại:

- Đối với xã: Thực hiện theo Điều 14 - Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (thống kê theo mẫu 1A kèm theo kế hoạch này);

- Đối với phường: thực hiện theo Điều 19 - Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (thống kê theo mẫu 1B kèm theo Kế hoạch này);

- Đối với thị trấn: Thực hiện theo Điều 20 - Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (thống kê theo mẫu 1B kèm theo Kế hoạch này).

b) Số liệu đánh giá:

- Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính được cơ quan có thẩm quyền cung cấp hoặc công bố tính đến ngày 31/12/2019. Riêng tiêu chuẩn thu, chi ngân sách địa phương được tính bình quân theo 03 năm 2017, 2018, 2019.

- Số tiêu chí nông thôn mới hoàn thành (dùng để tính điểm) của mỗi đơn vị hành chính cấp xã do cấp xã thống kê và UBND cấp huyện thẩm định.

**3. Báo cáo đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính; đề nghị giữ nguyên hoặc phân loại lại đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13**

### **III. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

#### **1. Hồ sơ cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Bảng thống kê số liệu làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn (Biểu số 1A, 1B);
- Báo cáo đề nghị giữ nguyên hoặc phân loại lại đơn vị hành chính.

#### **2. Hồ sơ cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát; đề nghị giữ nguyên hoặc phân loại lại đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa phương;
- Tờ trình của Ủy ban nhân dân, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Bảng thống kê số liệu làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn (Biểu số 1A, 1B) theo từng đơn vị xã, phường, thị trấn;
- Bảng tổng hợp kết quả tự chấm điểm theo các tiêu chuẩn đối với các xã, phường, thị trấn thuộc địa phương quản lý (Biểu số 2).

### **IV. TRÌNH TỰ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

#### **1. Cấp xã**

- UBND các xã, phường, thị trấn tiến hành thống kê số liệu hiện trạng của địa phương và tự chấm điểm đạt được theo quy định tại các Điều 14, Điều 19 và Điều 20 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

- Sau khi rà soát, Ủy ban nhân dân cấp xã đối chiếu giữa số điểm đạt được của địa phương với khung điểm được quy định tại Điều 23, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 để xác định có sự thay đổi hoặc không thay đổi loại đơn vị hành chính so với hiện nay;

- Nếu không có sự thay đổi loại đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị giữ nguyên loại đơn vị hành chính



hiện hành. Nếu có thay đổi loại đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Nghị quyết đề nghị phân loại đơn vị hành chính trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 15/8/2020.

## 2. Cấp huyện

Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai các nội dung theo Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, thời gian theo yêu cầu.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện kiểm tra kết quả rà soát, đánh giá số liệu của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn; báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ tổng hợp) xem xét giữ nguyên hoặc điều chỉnh loại đơn vị hành chính đối với các xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 31/8/2020.

## 3. Cấp tỉnh

a) Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh:

- Là cơ quan chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định kết quả rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề nghị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh hoặc không điều chỉnh loại đơn vị hành chính đối với các xã, phường, thị trấn.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quyết định phân loại đối với các đơn vị hành chính cấp xã; văn bản bãi bỏ quyết định phân loại đơn vị hành chính cũ.

b) Các Sở, ngành: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc - Tôn giáo tỉnh; Cục Thống kê; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh thẩm định kết quả rà soát, đánh giá của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo quy định.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/9/2020.

Trên đây là kế hoạch rà soát, điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Tổ chức - Nội vụ) để được xem xét giải quyết./.

### Nơi nhận:

- TTr. Tỉnh ủy (để B/c);
- TTr. HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNCPC, KTTH, Trung tâm TT-CB;
- Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thành phố;
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ.....

BIỂU RÀ SOÁT  
CÁC TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Biểu số 1A

STT	Tiêu chuẩn	ĐVT	Thực trạng	Đánh giá điểm	Ghi chú
1	Quy mô dân số	người			
2	Diện tích tự nhiên	ha			
3	Trình độ phát triển KT-XH				
a	Cân đối thu chi ngân sách				
-	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	Tr.đ			
-	Tổng chi ngân sách	Tr.đ			
	Tỷ lệ thu ngân sách hưởng theo phân cấp/Tổng chi ngân sách	%			
b	Xã đạt chuẩn nông thôn mới				
c	Xã có đường biên giới				
4	Các yếu tố đặc thù				
a	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số	%			
b	Thuộc xã đặc biệt khó khăn				
<b>Tổng điểm (1+2+3+4)</b>					

Tổng điểm xã đạt được:.....điểm.

Xã hiện nay đang xếp loại:.....

Đề nghị xếp loại: .....

Người lập biểu

.....ngày.....tháng.....năm 2020

TM. UBND .....

CHỦ TỊCH

STT	Tiêu chuẩn	ĐVT	Thực trạng	Đánh giá điểm	Ghi chú
1	Quy mô dân số (cả tạm trú quy đổi)	người			
2	Diện tích tự nhiên	ha			
3	<b>Trình độ phát triển KT-XH</b>				
a	Tỷ lệ thu ngân sách hưởng theo phân cấp/Tổng chi ngân sách	%			
	Trong đó: - Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	Tr.đ			
	- Tổng chi ngân sách	Tr.đ			
b	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%			
c	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế				
d	Tỷ lệ hộ dân cư được dùng nước sạch	%			
đ	Tỷ lệ hộ nghèo	%			
4	<b>Các yếu tố đặc thù</b>				
a	Tỷ lệ dân số tạm trú quy đổi so với dân số thường trú	%			
	Trong đó: - Dân số thường trú	người			
	- Dân số tạm trú quy đổi	người			
b	Phường, Thị trấn thuộc vùng cao hoặc miền núi				
c	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số	%			
d	Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc di sản được UNESCO công nhận				
<b>Tổng điểm (1+2+3+4)</b>					

Tổng điểm đạt được:.....điểm.

Phường, TT hiện nay đang xếp loại:.....

Đề nghị xếp loại: .....

.....ngày.....tháng.....năm 2020

TM. UBND .....

CHỦ TỊCH

Người lập biểu

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN, THÀNH PHỐ.....

**BIỂU TỔNG HỢP**  
**KẾT QUẢ RÀ SOÁT LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

Biểu số 2

STT	Đơn vị hành chính	Kết quả rà soát theo Nghị quyết 1211/2016/NQ-UBTVQH13						Loại ĐVHC hiện hành	Đề nghị giữ nguyên hoặc điều chỉnh loại ĐVHC
		Tiêu chuẩn 1 Quy mô dân số (điểm)	Tiêu chuẩn 2 Diện tích tự nhiên (điểm)	Tiêu chuẩn 3 Trình độ phát triển KT- XH (điểm)	Tiêu chuẩn 4 Các yếu tố đặc thù (điểm)	Tổng điểm	Loại ĐVHC		
1	Xã.....								
2	Xã.....								
3									
...									

Tổng số ĐVHC cấp xã:.....trong đó:

Loại I:.....

Loại II: .....

Loại III:.....

Người lập biểu

.....ngày.....tháng.....năm 2020

TM. UBND .....

CHỦ TỊCH